TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH G**	**`CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị T T N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 6 K, phường T, quận T, thành phố H

- Bị đơn: Anh N T C, sinh năm 1983

Địa chỉ: 461 T, phường C, thị xã A, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị T T N và anh N T N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T T N và anh N T C có 02 con chung là N T T, sinh ngày 20/8/2009 và N T T H, sinh ngày 13/11/2011.

Giao con chung N T T và N T T H cho anh N T C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và H thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N T C không yêu cầu chị T T N cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Chị T T N và anh N T C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị T T N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001961, ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G. Chị N được trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA TX A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh